

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7- 2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thọ

2. Ông Trần Đình Khoa

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Anh Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020; quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1990 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ 5, khu phố 5, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 5, khu phố 5, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:

Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Ngọc H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013, có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 08-3-2013.

Ngay từ thời gian đầu chung sống, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau về tính cách và bất đồng quan điểm sống. Ông S và bà H đã sống ly thân cách đây một năm. Ông S sống cùng

gia đình ông S ở tổ 5, khu phố 5, phường P, thành phố B, còn bà H đưa hai con chung đi nơi khác ở, thỉnh thoảng mới đưa con về thăm nhà. Cả hai không có động thái hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông S yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

- Về con chung: Quá trình chung sống ông S và bà H có hai người con chung là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 20-01-2013 và Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày 14-3-2018. Ông S yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu N cho ông và giao cháu K cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi, cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên sau đó ông S thay đổi yêu cầu khởi kiện, đồng ý giao cháu N và K cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi, ông S không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông S không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Ông S không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia làm việc và tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

- Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp ly hôn, nuôi con. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Bà Rịa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải là đúng quy định tại các Điều 97, Điều 208- 211 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng. Bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật.

- Về nội dung:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

-Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Nguyễn Văn S có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc H và giải quyết vấn đề về con chung giữa ông bà. Đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và việc Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa thụ

lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn xét xử vụ án trên theo quy định.

-Về nội dung giải quyết:

[2] Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Ngọc H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân của ông S và bà H là hôn nhân hợp pháp.

Theo ông S thì do ông và bà H không hợp nhau về tính cách nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc ngay sau khi kết hôn. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên ông và bà H đã sống ly thân cách đây một năm, cả hai không có động thái hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét trong mỗi gia đình thì cả vợ chồng đều phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng do mâu thuẫn nên ông S và bà H không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, dẫn đến phải sống ly thân. Vì vậy nhận thấy tình trạng vợ chồng giữa ông S và bà H đã đến mức trầm trọng và đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng yêu cầu bà H tham gia buổi hòa giải và phiên tòa xét xử nhưng bà H vẫn vắng mặt. Điều đó cho thấy bà H không có thiện chí để hàn gắn quan hệ hôn nhân của chính mình. Do đó yêu cầu xin ly hôn của ông S là có cơ sở, nên được chấp nhận.

-Về con chung: Ông S và bà H có hai người con chung là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 20-01-2013 và Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày 14-3-2018. Ông S yêu cầu Tòa án giải quyết giao cả hai con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi, ông S không cấp dưỡng nuôi con.

Xét bà H là người có việc làm và thu nhập ổn định. Từ sau khi ông S và bà H sống ly thân thì cháu K và cháu N ở với bà H, do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặc dù Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu bà H đưa cháu K đến Tòa án để nêu nguyện vọng của cháu liên quan đến vấn đề nuôi dưỡng con chung nhưng bà H và cháu K vẫn vắng mặt, không có ý kiến gì. Do vậy để tránh sự xáo trộn trong học tập và sinh hoạt của cháu K và cháu N, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của ông S, giao cả hai con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông S không cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn S không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn S không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Còn đối với bà Nguyễn Thị Ngọc H sau khi nhận được thông báo thụ lý và trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng không có ý kiến, yêu cầu gì về vấn đề tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 20-01-2013 và Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày 14-3-2018 đến khi cháu K và cháu N đủ 18 tuổi. Ông S không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn S có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Văn S phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông S đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số TU/2020/0000591 ngày 06-5-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Như vậy ông S đã nộp xong án phí.

Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31-7-2020), đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Bà Rịa;
- Chi cục THADS thành phố Bà Rịa;
- UBND phường P, thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu VT; hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Thị Thương

